

NỘI DUNG ÔN TẬP TUẦN 3,4

Bài 18: THỰC HÀNH - TÌM HIỂU LÀO VÀ CAMPUCHIA

1. Hoàn thành bảng sau:

	Lào	Campuchia
1. Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên: - giáp quốc gia: - giáp biển - Thuận lợi và khó khăn về vị trí địa lí đối với phát triển kinh tế		
2. Dân cư - Số dân - Tỷ lệ gia tăng dân số - Các thành phố lớn - Ngôn ngữ		
3. Kinh tế - Cơ cấu kinh tế: + Công nghiệp + Nông nghiệp + Dịch vụ		

Bài 22: VIỆT NAM- ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI

1. Hoàn thành phiếu học tập sau:

Lãnh thổ thống nhất và toàn vẹn	Việt Nam là nước độc lập có chủ quyền và thống nhất toàn vẹn lãnh thổ.
Nằm trong khu vực Đông Nam Á	Gắn liền với châu Á, tiếp giáp Thái Bình Dương. - Có đường biên giới trên đất liền với..... - Vùng biển tiếp giáp với vùng biển của các nước.....

2. Mục tiêu tổng quát kinh tế chiến lược 2001- 2030 của nước ta là gì?

.....

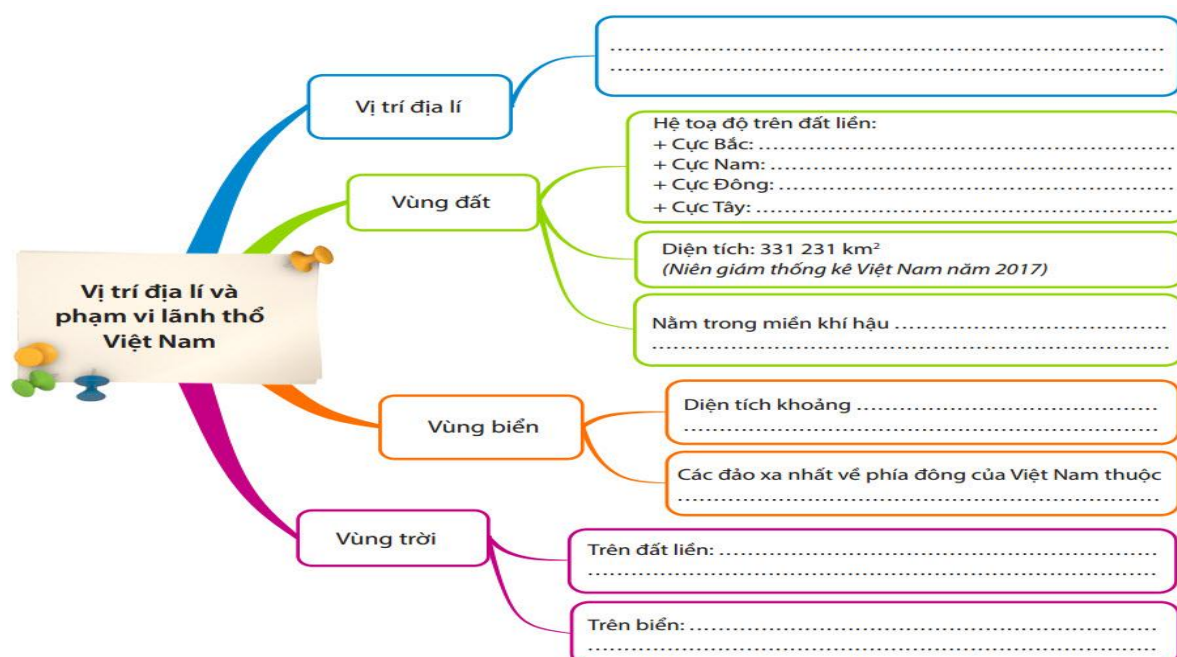
.....

.....

3. sưu tầm những câu ca dao tục ngữ ca ngợi đất nước ta.

BÀI 23: VỊ TRÍ GIỚI HẠN, HÌNH DẠNG LÃNH THỔ VIỆT NAM

1. Hoàn thành bảng sau:



2. Vị trí và hình dạng lãnh thổ Việt nam có những thuận lợi và khó khăn gì trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc ta hiện nay.....

.....

BÀI 23: VỊ TRÍ, GIỚI HẠN, HÌNH DẠNG LÃNH THỔ VIỆT NAM

1. Xác định vị trí và giới hạn nước ta trên bản đồ.
2. Nước ta có biên giới chung với những nước nào?
3. Ở tỉnh ngọn núi nào của nước ta, nơi mà một con gà gáy cả ba nước Việt Nam, Trung Quốc, Lào đều nghe?
4. Nêu ý nghĩa vị trí lãnh thổ nước ta?

BÀI 24: VÙNG BIỂN VIỆT NAM

1. Nêu ý nghĩa của biển đối với sự phát triển của nền kinh tế nước ta?

.....
.....
.....

2. Dân ta có câu “Rừng vàng biển bạc”, biển có giá trị vô cùng to lớn về nhiều mặt, nhưng hiện nay biển nước ta đang đứng trước những thách thức gì? là một học sinh em đã và sẽ làm gì để bảo vệ biển?

.....
.....
.....

NỘI DUNG BÀI GHI TUẦN 5,6

BÀI 25. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA TỰ NHIÊN VIỆT NAM

Lịch sử phát triển của tự nhiên Việt Nam chia làm 3 giai đoạn lớn.

1. Giai đoạn Tiền Cambri

- Cách đây 570 triệu năm
- Đại bộ phận lãnh thổ bị nước biển bao phủ
- Có một số mảng nền cổ
- Sinh vật rất ít và đơn giản
- Điểm nổi bật: Lập nền móng sơ khai của lãnh thổ

2. Giai đoạn Cổ kiến tạo

- Thời gian: Cách đây ít nhất 65 triệu năm, kéo dài 500 triệu năm. Phần đất liền là chủ yếu, vận động tạo núi diễn ra liên tiếp.
- Sinh vật chủ yếu: Bò sát, khủng long và cây hạt trần.
- Cuối Trung Sinh ngoại lực chiếm ưu thế -> địa hình bị san bằng
- Đặc điểm nổi bật: phát triển, mở rộng và ổn định lãnh thổ

3. Giai đoạn Tân kiến tạo

- Cách đây 25 triệu năm
- Vận động tạo núi Himalia diễn ra mãnh liệt.
- Điểm nổi bật: Nâng cao địa hình, hoàn thiện giới sinh vật.

BÀI 26. ĐẶC ĐIỂM TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

1. Việt Nam là nước giàu tài nguyên khoáng sản

- Nước ta có nguồn khoáng sản phong phú, đa dạng, thăm dò được 5000 điểm quặng và tự khoáng, với hơn 60 loại khoáng sản.
- Phần lớn các mỏ có trữ lượng vừa và nhỏ.
- Một số mỏ có trữ lượng lớn như:
 - +Than: Quảng Ninh
 - +Dầu mỏ, khí đốt: Bà Rịa-Vũng Tàu.
 - +Bô xit, apatit (Lào Cai)
 - +Đất hiếm, đá vôi...

2. Vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên khoáng sản

a. Thực trạng:

- Khoáng sản là tài nguyên không thể phục hồi
- Hiện nay 1 số khoáng sản có nguy cơ bị cạn kiệt, sử dụng còn lãng phí.
- Việc khai thác một số khoáng sản đã làm ô nhiễm môi trường

b. Biện pháp bảo vệ:

- Phải khai thác hợp lí, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả.
- Cần thực hiện nghiêm luật khoáng sản của Nhà nước ta.

BÀI 27. THỰC HÀNH - ĐỌC BẢN ĐỒ VIỆT NAM

1. Dựa trên bản đồ hành chính Việt Nam trong sách giáo khoa hoặc trong Atlas Địa lí Việt Nam, hãy:

a) Hãy xác định vị trí của tỉnh, thành phố em đang sống: Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh gồm có bốn điểm cực:

- Cực Bắc là xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi.
- Cực Tây là xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi.
- Cực Nam là xã Long Hòa, huyện Cần Giờ.
- Cực Đông là xã Thạnh An, huyện Cần Giờ.

Phía Bắc giáp Bình Dương, Tây Bắc giáp Tây Ninh. Đông và Đông Bắc giáp Đồng Nai. Đông nam giáp Vũng Tàu. Tây và Tây Nam giáp Long An và Tiền Giang.

Gồm 19 quận: Q1- Q12, Bình Tân, Bình Thạnh, Gò Vấp, Phú Nhuận, Tân Bình, Tân Phú, Gò Vấp. Và 5 huyện Cần Giờ, Củ Chi, Nhà Bè, Hóc môn, Bình Chánh.

Dân số năm 2016: 8.441.902 triệu dân.

b) Xác định vị trí, tọa độ các điểm cực Bắc, Nam, Đông, Tây của lãnh thổ phần đất liền nước ta.

c) Lập bảng thống kê các tỉnh, thành phố theo mẫu sau. Cho biết có bao nhiêu tỉnh ven biển?

BÀI 28. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH VIỆT NAM

1. Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam

* Địa hình nước ta rất đa dạng.

- Đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ
- + Chủ yếu đồi núi thấp chiếm 85% diện tích
- + Núi cao trên 2000m chỉ chiếm 1%
- + Đồi núi tạo thành một cánh cung lớn hướng ra biển đông.
- Đồng bằng lớn:
- + Đồng bằng sông Hồng
- + Đồng bằng sông Cửu Long
- + Đồng bằng chiếm 1/4 diện tích lãnh thổ đất liền và bị đồi núi ngăn cách thành nhiều khu vực
- Ngoài ra còn các đảo và quần đảo.
- Núi Bạch Mã, Mũi Nhạy....

2. Địa hình nước ta được tân kiến tạo nâng lên và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau

- Địa hình nước ta do giai đoạn Cổ kiến tạo và Tân kiến tạo dựng lên.
- + Cổ kiến tạo: các vùng núi bị ngoại lực bào mòn phá huỷ tạo nên những bề mặt san bằng, thấp, thoải.
- + Tân kiến tạo: Địa hình nước ta nâng cao và phân thành nhiều bậc kế tiếp nhau: đồi núi, đồng bằng, thềm lục địa.
- Địa hình thấp dần từ nội địa ra biển, cao ở Tây Bắc – thấp dần ở Đông Nam.
- Địa hình nước ta chủ yếu theo 2 hướng Tây Bắc – Đông Nam và vòng cung, ngoài ra còn có một số hướng khác trong phạm vi hẹp.

3. Địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa và chịu tác động mạnh mẽ của con người

- Địa hình nước ta luôn bị biến đổi mạnh mẽ.

- Do tác động mạnh mẽ của môi trường nhiệt đới gió mùa ẩm và do sự khai phá của con người.
- Đã xuất hiện ngày càng nhiều các địa hình nhân tạo (các công trình kiến trúc đô thị, hầm mỏ, giao thông, đê, đập, kênh rạch,..) trên đất nước ta.

NỘI DUNG ÔN TẬP TUẦN 5,6

BÀI 25. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA TỰ NHIÊN VIỆT NAM

Câu 1: Trình bày lịch sử phát triển của tự nhiên nước ta? Nêu ý nghĩa của giai đoạn Tân kiến tạo đối với sự phát triển của tự nhiên nước ta?

Câu 2. Con người xuất hiện vào giai đoạn nào trong sự phát triển của tự nhiên nước ta?

BÀI 26. ĐẶC ĐIỂM TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

Câu 1: Quan sát lược đồ trang 24 (tập bản đồ địa lí 8) em hãy kể tên và nơi phân bố của 10 loại khoáng sản.

Câu 2: Em hãy nêu một số nguyên nhân làm cạn kiệt nhanh chóng nguồn tài nguyên khoáng sản nước ta, nêu một số giải pháp?

BÀI 27. ĐỌC BẢN ĐỒ VIỆT NAM

Câu 1: Dựa vào tập bản đồ địa lí 8 trang 22,23 em hãy xác định vị trí tọa độ của 4 điểm cực Bắc, cực Nam, cực Tây, cực Đông.

Câu 2: Xác định vị trí tọa độ của TP Hồ Chí Minh.

BÀI 28. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH VIỆT NAM

Câu 1: Quan sát vào tập bản đồ địa lí 8 trang 22,23 em hãy nêu đặc điểm chung của địa hình nước ta? Trong đó bộ phận nào quan trọng nhất ?

Câu 2: Địa hình nước ta hình thành và biến đổi do những nhân tố nào?

NỘI DUNG BÀI GHI TUẦN 7,8

BÀI 29. ĐẶC ĐIỂM CÁC KHU VỰC ĐỊA HÌNH

1. Khu vực đồi núi

– Khu vực đồi núi chia thành 4 vùng:

a) Vùng núi Đông Bắc

- Là một vùng đồi núi thấp nằm ở tả ngạn sông Hồng.
- Có những cánh cung lớn và trung du phát triển rộng.
- Địa hình Caxtơ khá phổ biến.

b) Vùng núi Tây Bắc

– Là những dải núi cao, những sơn nguyên đá vôi hiểm trở nằm song song, kéo dài theo hướng Tây Bắc-Đông Nam.

– Khu vực còn có những đồng bằng nhỏ trù phú nằm ở giữa vùng núi cao như: Mường Thanh, Nghĩa Lộ.

c) Vùng Trường Sơn Bắc

– Dài khoảng 600km.

– Là vùng núi thấp, 2 sườn không đối xứng.

– Sườn Đông hẹp và dốc, có nhiều núi nằm ngang chia cắt đồng bằng

d) Vùng Trường Sơn Nam

– Là vùng đồi núi và cao nguyên hùng vĩ.

– Đất đỏ badan dày, xếp thành từng tầng trên các độ cao 400m, 800m, 1000m

e) Ngoài ra còn có địa hình bán bình nguyên Đông Nam Bộ và vùng đồi trung du Bắc Bộ.

2. Khu vực đồng bằng

a. Đồng bằng châu thổ hạ lưu sông lớn.

– Có 2 đồng bằng lớn: Đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng. Đây là hai vùng nông nghiệp trọng điểm của cả nước.

– Đồng bằng sông Hồng: 15.000km²

– Đồng bằng sông Cửu Long: 40.000km²

b) Các đồng bằng Duyên hải Trung Bộ.

– Diện tích khoảng 15.000km²

– Chia thành nhiều đồng bằng nhỏ, hẹp kém phì nhiêu.

3. Địa hình bờ biển và thềm lục địa

– Bờ biển nước ta dài 3260km

– Có 2 dạng chính:

+ Bờ biển bồi tụ đồng bằng châu thổ sông Hồng, sông Cửu Long nhiều bãi bùn rộng, rừng cây ngập mặn phát triển ...

+ Bờ biển mài mòn chân núi, hải đảo.

Ví dụ: Bờ biển Đà Nẵng, Vũng Tàu.

BÀI 30. ĐỌC BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH VIỆT NAM

Câu 1:

Đi theo vĩ tuyến 22oB, từ biên giới Việt – Lào đến biên giới Việt – Trung, ta phải vượt qua:

– Vượt qua các dãy núi: Pu Đen Đinh, Hoàng Liên Sơn, Con Voi, cánh cung sông Gâm, cánh cung Ngân Sơn, cánh cung Bắc Sơn.

– Vượt qua các dòng sông lớn: sông Đà, sông Hồng, sông Chảy, sông Lô, sông Gâm, sông cầu, sông Kỳ Cùng.

Câu 2:

Đi dọc kinh tuyến 108oĐ (hình 30.1), đoạn từ dãy núi Bạch Mã đến bờ biển Phan Thiết, ta phải đi qua:

– Đi dọc kinh tuyến 108oĐ, đoạn từ dãy núi Bạch Mã đến bờ biển Phan Thiết, ta phải đi qua các cao nguyên: Kon Tum, Đắk Lắk, Mơ Nông và Di Linh.

– Nhận xét về địa hình vùng nham thạch của các cao nguyên:

Tây Nguyên là khu vực nền cổ, bị nứt vỡ kèm theo phun trào mắc-ma vào thời kì Tân kiến tạo. Dung nham núi lửa tạo nên các cao nguyên rộng lớn, xen kẽ với badan trẻ là các đá cổ Tiền Cambri. Do độ cao khác nhau nên được gọi là những cao nguyên xếp tầng. Sườn các cao nguyên rất dốc đã biến các dòng sông, dòng suối thành những thác nước hùng vĩ như Pren, Cam-li, Pông-gua...

Ngoài ra còn có đá Gra-nit và đá biến chất. Một phần nhỏ ven biển Phan Thiết là đá trầm tích.

Câu 3:

– Quốc lộ 1A từ Lạng Sơn tới Cà Mau vượt qua các đèo lớn:

+Sài Hồ (Lạng Sơn),

+Tam Điệp (Ninh Bình),

+Ngang (Hà Tĩnh – Quảng Bình),

+Hải Vân (Thừa Thiên – Huế – Đà Nẵng),

+Cù Mông (Bình Định – Phú Yên),

+Cả (Phú Yên – Khánh Hòa).

– Các đèo này có ảnh hưởng lớn tới giao thông vận tải giữa các vùng, các tỉnh từ Bắc vào Nam.

.Gây trở ngại lớn đối với GT đường bộ, đường sắt. Dễ gây ra tai nạn giao thông, nhất là đối với các phương tiện GT đường bộ khi vượt đèo.

BÀI 31. ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU VIỆT NAM

1. Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm

– Nhiệt độ trung bình năm cao > 21oC.

– Bình quân 1m² nhận được trên 1 triệu kilo calo nhiệt năng.

– Số giờ nắng đạt từ 1400 – 3000 giờ/ năm

– Một năm có 2 mùa gió:

- + Gió mùa đông: lạnh, khô.
- + Gió mùa hạ: nóng, ẩm.
- Lượng mưa trung bình năm lớn trên 1500 mm/năm.
- Độ ẩm không khí > 80%. So với các nước trong cùng vĩ độ nước ta có một mùa đông lạnh hơn và một mùa hạ mát hơn.

2. Tính chất phân hoá đa dạng và thất thường

- Khí hậu nước ta phân hoá từ Bắc vào Nam, từ Tây sang Đông, từ thấp lên cao.
- * Miền khí hậu phía Bắc: có mùa đông lạnh, tương đối ít mưa, nửa cuối mùa đông ẩm ướt, mùa hè nóng và mưa nhiều.
- * Miền khí hậu Đông Trường Sơn: Có mùa mưa lệch hẳn về thu đông.
- * Miền khí hậu phía Nam: nhiệt độ quanh năm cao, mùa mưa và mùa khô tương phản sâu sắc.
- * Miền khí hậu biển Đông: mang tính chất gió mùa nhiệt đới hải dương.
- Khí hậu có sự phân hoá theo mùa.
- Tính chất thất thường của khí hậu nước ta thể hiện rõ ở chế độ nhiệt và chế độ mưa.
 - + Chế độ nhiệt: Càng lên cao nhiệt độ càng giảm.
 - + Chế độ mưa: Lượng mưa cũng thay đổi theo mùa
- Ngoài tính đa dạng, khí hậu Việt Nam còn mang tính thất thường, biến động mạnh.

BÀI 32. CÁC MÙA KHÍ HẬU VÀ THỜI TIẾT Ở NƯỚC TA

1. Gió mùa Đông Bắc từ tháng 11 đến tháng 4 (mùa đông)

- + Miền Bắc: đầu mùa đông se lạnh, khô hanh, cuối đông có mưa phùn ẩm ướt.
- + Miền núi cao có sương muối sương giá, mưa tuyết gây trở ngại lớn cho sinh vật nhiệt đới.
- + Tây Nguyên và Nam Bộ: nóng, khô ổn định suốt mùa
- + Duyên hải Trung Bộ có mưa lớn vào các tháng cuối năm.
- Chủ yếu là gió mùa Đông Bắc xen kẽ gió Đông Nam. Trong mùa này thời tiết, khí hậu nước ta có sự khác nhau rất rõ rệt.

2. Gió mùa Tây Nam từ tháng 5 đến tháng 10 (mùa hạ)

- Đây là mùa thịnh hành của gió mùa Tây Nam, ngoài ra còn có gió tín phong nửa cầu Bắc.
- + Nhiệt độ cao > 25°C
- + Lượng mưa lớn, > 80% cả năm.
- Thời tiết trong mùa này là trời nóng ẩm, có mưa to, dông bão diễn ra phổ biến trên cả nước.

3. Những thuận lợi và khó khăn do thời tiết mang lại

– Thuận lợi:

Thực hiện thâm canh, xen canh, tăng vụ, phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.

– Khó khăn:

+ Nấm mốc, sâu bệnh phát triển

+ Thiên tai xảy ra thường xuyên.